TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
Bản án số: 24/2023/DS-ST
Ngày 11/5/2023
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Phước Hòa.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Lệ Thủy
2. Ông Đoàn Văn Đức

- *Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa:* bà Nguyễn Thị Hương Trà - Cán bộ Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà Trần Thị Hương Thu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận S xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 146/TLST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2022 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 146/2022/QĐXXST - DS ngày 29 tháng 3 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2023/QĐST-HPT ngày 13.4.2023, giữa các đương sự:

***** *Nguyên đơn:* Ngân Hàng TMCP P. Trụ sở chính: 41 & 45 đường L, phường B, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh. *Người đại diện theo pháp luật*: ông Trịnh Văn T- Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Đình T- Chức vụ: Giám đốc Trung tâm bán lẻ - chi nhánh Trung Việt (*Giấy ủy quyền số 66/2021/UQ-CT.HĐQT ngày 30/6/2021*).

Ông Nguyễn Đình T quyền lại cho: bà Nguyễn Hoàng Khánh C - Chức vụ: chuyên viên xử lý nợ Ngân hàng TMCP P (*Giấy ủy quyền số 39/GUQ-CNTV.22 ngày 01/7/2022*) (*bà C có mặt*).

* *Bị đơn:* ông Trần Văn U , sinh năm 1973 và bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1974. Cùng địa chỉ: tổ 19 A, phường A, quận S, TP. Đà Nẵng (đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện của Ngân Hàng TMCP P và ý kiến bà Nguyễn Hoàng Khánh C là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng trong quá trình tố tụng tại Tòa án trình bày:*

Ngân hàng TMCP P với ông Trần Văn U và bà Huỳnh Thị H đã thỏa thuận ký kết Hợp đồng tín dụng số 0525/2016/HĐTD-CN ngày 08/7/2016 và Khế ước nhận nợ số 0525/2016-OCB/KƯNN-CN ngày 08/7/2016 về việc ông Trần Văn U và bà Huỳnh Thị H vay vốn tại Ngân hàng TMCP P, với số tiền vay: 200.000.000 đồng; Mục đích vay: bù đắp chi phí mua đất; Thời hạn vay: 180 tháng; Lãi suất cho vay trong hạn: trong 12 tháng đầu: lãi suất vay 9%/năm. Từ tháng thứ 13 trở đi áp dụng lãi suất cho vay điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần theo công thức tính lãi như sau: Lãi suất cho vay (điều chỉnh) = Lãi suất cơ sở + biên độ lãi suất trong đó: lãi suất cơ sở: bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm VND kỳ hạn 13 tháng trả lãi cuối kỳ do Ngân hàng TMCP P công bố tại thời điểm tính lãi + Biên độ lãi suất: tối thiểu 4,5%/năm. Thay đổi lãi suất: Ngân hàng TMCP P được quyền điều chỉnh, thay đổi kỳ điều chỉnh lãi suất, lãi suất cơ sở, biên độ lãi suất và/hoặc phương thức xác định lãi suất cho vay phải tuân thủ và chịu sự điều chỉnh theo chính sách lãi suất của Ngân hàng TMCP P tại từng thời kỳ, lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất vay trong hạn.

+ Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên là: Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa đất số 383, tờ bản đồ số 5, tại địa chỉ: tổ 42 phường A, quận S, Thành phố Đà Nẵng, thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng của ông Trần Văn U và bà Huỳnh Thị H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AN 693872, số vào sổ cấp GCN số H 09433 do Ủy ban nhân dân quận S, Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 31/12/2008 đứng tên ông Trần Văn U ; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0525/2016/BĐ ngày 08/7/2016 đã được công chứng tại Văn phòng công chứng Sông Hàn, TP. Đà Nẵng và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại quận S ngày 08/7/2016.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng ông Trần Văn U và bà Huỳnh Thị H đã vi phạm phân kỳ trả nợ được quy định trong Hợp đồng tín dụng số 0525/2016/HĐTD-CN ngày 08/7/2016 ký kết giữa Ngân hàng TMCP P với ông Trần Văn U và bà Huỳnh Thị H.

Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nợ đến hạn thanh toán nhưng đến nay ông Trần Văn U và bà Huỳnh Thị H vẫn không thanh toán nợ vay cho Ngân hàng.

Tại đơn khởi kiện, Ngân hàng đề nghị Toà án giải quyết buộc ông Trần Văn U và bà Huỳnh Thị H trả ngay cho Ngân hàng TMCP P tổng số nợ của hợp đồng tín dụng số 0525/2016/HĐTD-CN ngày 08/7/2016 tính đến ngày 5/7/2022 là 130,590,417 đồng (cả gốc và lãi), đồng thời yêu cầu ông bà tiếp tục trả lãi, phí phát sinh theo hợp đồng kể từ ngày 06/7/2022 cho đến khi ông Trần Văn U và bà Huỳnh Thị H hoàn thành nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông U , bà Hcó trả cho Ngân hàng được một phần tiền nợ nên tính đến ngày xét xử (11/5/2023), ông U , bà Hcòn nợ Ngân hàng 133.062.969 đồng, trong đó nợ gốc là 118.970.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 12.702.398 đồng, lãi quá hạn: 960.414 đồng, phạt quá hạn: 430.157 đồng.

Vì vậy, Ngân hàng TMCP P kính đề nghị Quý Tòa án xem xét giải quyết buộc ông Trần Văn U và bà Huỳnh Thị H phải trả cho Ngân hàng TMCP P tổng số nợ tính đến ngày xét xử (11/5/2023) là 133.062.969 đồng, trong đó nợ gốc là 118.970.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 12.702.398 đồng, lãi quá hạn: 960.414 đồng, phạt quá hạn: 430.157 đồng.

Lãi suất tiếp tục được tính kể từ ngày 12.5.2023 trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng tín dụng số 0525/2016/HĐTD-CN ngày 08/7/2016 cho đến khi ông Trần Văn U và bà Huỳnh Thị H hoàn thành nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng TMCP P.

Trường hợp ông Trần Văn U và bà Huỳnh Thị H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì đề nghị xử lý tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa đất số 383, tờ bản đồ số 5, tại địa chỉ: tổ 42 phường A, quận S, Thành phố Đà Nẵng thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng của ông Trần Văn U và bà Huỳnh Thị H, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AN 693872, số vào sổ cấp GCN số H09433 do Ủy ban nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 31/12/2008 đứng tên ông Trần Văn U , đã thế chấp cho Ngân hàng, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0525/2016/BĐ ngày 08/7/2016 (đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại quận S ngày 08/7/2016) theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP P.

* Tại phiên tòa bị đơn là ông Trần Văn U và bà Huỳnh Thị H vắng mặt nhưng trong quá trình hòa giải ông bà có trình bày ý kiến như sau:

Chúng tôi xác nhận ngày 08/7/2016 chúng tôi có ký với Ngân hàng TMCP P Hợp đồng tín dụng số 0525/2016/HĐTD-CN ngày 08/7/2016 và Khế ước nhận nợ số

0525/2016-OCB/KƯNN-CN ngày 08/7/2016 với số tiền vay: 200.000.000 đồng; Mục đích vay: Bù đắp chi phí mua đất;Thời hạn vay : 180 tháng; Lãi suất cho vay trong hạn: Trong 12 tháng đầu: Lãi suất vay 9%/năm. Từ tháng thứ 13 trở đi áp dụng lãi suất cho vay điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần theo công thức tính lãi như sau: Lãi suất cho vay (điều chỉnh) = Lãi suất cơ sở + biên độ lãi suất trong đó: lãi suất cơ sở: bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm VND kỳ hạn 13 tháng trả lãi cuối kỳ do Ngân hàng TMCP P công bố tại thời điểm tính lãi + Biên độ lãi suất: tối thiểu 4,5%/năm. Thay đổi lãi suất: Ngân hàng TMCP P được quyền điều chỉnh, thay đổi kỳ điều chỉnh lãi suất, lãi suất cơ sở, biên độ lãi suất và/hoặc phương thức xác định lãi suất cho vay phải tuân thủ và chịu sự điều chỉnh theo chính sách lãi suất của Ngân hàng TMCP P tại từng thời kỳ, lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất vay trong hạn.

Để đảm bảo khoản vay, chúng tôi đã thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa đất số 383, tờ bản đồ số 5, tại địa chỉ: Tổ 42 phường A, quận S, Thành phố Đà Nẵng thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng của vợ chồng chúng tôi, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AN 693872, số vào sổ cấp GCN số H 09433 do Ủy ban nhân dân quận S, Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 31/12/2008 đứng tên ông Trần Văn U, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0525/2016/BĐ ngày 08/7/2016 (đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại quận S ngày 08/7/2016). Sau khi ký Hợp đồng chúng tôi đã được Ngân hàng giải ngân toàn bộ số tiền nêu trên.Tuy nhiên, do tình hình dịch bệnh, bản thân bà Hbị tai nạn, sức khoẻ giảm sU làm ảnh hưởng đến khả năng lao động, kinh tế khó khăn, dẫn đến mất khả năng trả nợ. Nay Ngân hàng khởi kiện, chúng tôi đồng ý nhưng đề nghị Ngân hàng cho chúng tôi được trả dần số nợ nói trên.

* *Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm HĐXX nghị án án như sau:*

Đối với việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử: Thẩm phán, Thư ký tuân thủ đầy đủ các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Đối với HĐXX: tại phiên tòa HĐXX thực hiện đúng nguyên tắc xét xử và thành phần HĐXX theo qui định của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn được quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự;

Bị đơn trong suốt quá trình giải quyết vụ án đều vắng mặt nên chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

Về nội dung vụ án: Đại diện VKS đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, 299, 303 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" của Ngân hàng Thương mại Cổ phần P đối với ông Trần Văn U và bà Huỳnh Thị H.

Buộc ông Trần Văn U và bà Huỳnh Thị H phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần P số tiền 133.062.969 đồng, trong đó nợ gốc là 118.970.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 12.702.398 đồng, lãi quá hạn: 960.414 đồng, phạt quá hạn: 430.157 đồng (tính đến ngày 11/5/2023).

Lãi suất tiếp tục được tính kể từ ngày 12.5.2023 trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng tín dụng số 0525/2016/HĐTD-CN ngày 08/7/2016 cho đến khi ông Trần Văn U và bà Huỳnh Thị H hoàn thành nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng TMCP P.

Trường hợp ông Trần Văn U và bà Huỳnh Thị H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì đề nghị xử lý tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa đất số 383, tờ bản đồ số 5, tại địa chỉ: tổ 42 phường A, quận S, Thành phố Đà Nẵng thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng của ông Trần Văn U và bà Huỳnh Thị H, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AN 693872, số vào sổ cấp GCN số H09433 do Ủy ban nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 31/12/2008 đứng tên ông Trần Văn U , đã thế chấp cho Ngân hàng, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0525/2016/BĐ ngày 08/7/2016 (đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại quận S ngày 08/7/2016) theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP P và ông Trần Văn U và bà Huỳnh Thị H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ông Trần Văn U và bà Huỳnh Thị H (là bị đơn trong vụ án, không có yêu cầu phản tố) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt ông Trần Văn U và bà Huỳnh Thị H.

[2] Về nội dung:

Hợp đồng tín dụng số 0525/2016/HĐTD-CN ngày 08/7/2016 giữa Ngân hàng TMCP P với ông Trần Văn U , bà Huỳnh Thị H được ký kết trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên hợp đồng có hiệu lực pháp luật,các bên tham gia trong giao dịch này có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết.

Mặc dù tại phiên tòa ông Trần Văn U và bà Huỳnh Thị H đều vắng mặt nhưng trong quá trình hòa giải ông Trần Văn U và bà Huỳnh Thị H cũng thừa nhận do tình hình hình dịch bệnh, gia đình quá khó khăn, ông bà không trả được nợ cho Ngân hàng đúng kỳ hạn đã thỏa thuận nên còn nợ Ngân hàng số tiền gốc và toàn bộ tiền lãi phát sinh như Ngân hàng trình bày.

Tính đến ngày xét xử: 11.5.2023, ông Trần Văn U và bà Huỳnh Thị H còn nợ Ngân hàng số tiền 133.062.969 đồng, trong đó nợ gốc là 118.970.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 12.702.398 đồng, lãi quá hạn: 960.414 đồng, phạt quá hạn: 430.157 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy việc ông Trần Văn U và bà Huỳnh Thị H trễ hạn phân kỳ trả nợ là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ như đã ký kết trong hợp đồng. Do đó, Ngân hàng TMCP P yêu cầu buộc ông Trần Văn U và bà Huỳnh Thị H phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền gốc, lãi nói trên là là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 280 của Bộ luật dân sự nên chấp nhận.

[3] Lãi suất tiếp tục được tính kể từ ngày 12.5.2023 trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụngsố 0525/2016/HĐTD-CN ngày 08/7/2016 giữa Ngân hàng TMCP P với ông Trần Văn U , bà Huỳnh Thị H cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ là phù hợp với Án lệ số 08/2016/AL ngày 17 tháng 10 năm 2016.

[4] Đối với tài sản đảm bảo cho khoản vay trên là Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa đất số 383, tờ bản đồ số 5, tại địa chỉ: tổ 42 phường A, quận S, Thành phố Đà Nẵng thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng của ông Trần Văn U và bà Huỳnh Thị H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AN 693872, số vào sổ cấp GCN số H 09433 do Ủy ban nhân dân quận S, Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 31/12/2008 đứng tên ông Trần Văn U .

Hội đồng xét xử xét thấy, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0525/2016/BĐ ngày 08/7/2016 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP P với ông Trần Văn U , bà Huỳnh Thị H là hoàn toàn tự nguyện, đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại quận S ngày 08/7/2016 theo đúng quy định của pháp luật. Do đó sự thỏa thuận thế chấp trên là hợp pháp, phù hợp với quy định tại các Điều 317, 318, 303 của Bộ luật dân sự nên trường hợp ông Trần Văn U và bà Huỳnh Thị H không trả được nợ thì tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa đất số 383, tờ bản đồ số 5, tại địa chỉ: Tổ 42 phường A, quận S, Thành phố Đà Nẵng thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng của ông Trần Văn U và bà Huỳnh Thị H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AN 693872, số vào sổ cấp GCN số H 09433 do Ủy ban nhân dân quận S, Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 31/12/2008 đứng tên ông Trần Văn U sẽ được xử lý theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ vay cho Ngân hàng.

[5] Đối với yêu cầu xin được trả dần số nợ gốc và lãi theo hợp đồng của ông Trần Văn U và bà Huỳnh Thị H, trong quá trình hòa giải ông Trần Văn U và bà Huỳnh Thị H cũng đã đưa ra phương án trả nợ dần, chia thành đợt nhưng ông Trần Văn U và bà Huỳnh Thị H không thực hiện đúng phương án đã đề xuất nên tại phiên tòa phía nguyên đơn không đồng ý cho ông bà được trả dần, vẫn yêu cầu ông Trần Văn U và bà Huỳnh Thị H phải trả toàn bộ tiền gốc và lãi phát sinh, do đó HĐXX không có cơ sở chấp nhận yêu cầu trên của ông Trần Văn U và bà Huỳnh Thị H.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP P được chấp nhận nên bị đơn là ông Trần Văn U và bà Huỳnh Thị H phải chịu án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cụ thể số tiền ông Trần Văn U và bà Huỳnh Thị H phải chịu là: 133.062.969 đồng x 5% = 6.653.148 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP P số tiền tạm ứng án phí 3. 264.760 đồng theo biên lai thu số 0006496 ngày 26/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng.

[7] Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: 2000.000 đồng Ngân hàng TMCP P tự nguyện chịu (đã nộp và chi phí xong).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 266 Bộ luật Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 280, 317, 318, 303 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ án lệ số 08/2016/AL ngày 17 tháng 10 năm 2016;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" của Ngân hàng TMCP P đối với bị đơn là ông Trần Văn U và bà Huỳnh Thị H.

Xử:

1. Buộc ông Trần Văn U và bà Huỳnh Thị H phải trả cho Ngân hàng TMCP P số tiền 133.062.969 đồng, trong đó nợ gốc là 118.970.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 12.702.398 đồng, lãi quá hạn: 960.414 đồng, phạt quá hạn: 430.157 đồng (tính đến ngày 11.5.2023).

Lãi suất tiếp tục được tính kể từ ngày 12.5.2023 trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụngsố 0525/2016/HĐTD-CN ngày 08/7/2016 giữa Ngân hàng TMCP P với ông Trần Văn U, bà Huỳnh Thị H cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Trường hợp ông Trần Văn U và bà Huỳnh Thị H không trả được nợ thì tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa đất số 383, tờ bản đồ số 5, tại địa chỉ: Tổ 42 phường A, quận S, Thành phố Đà Nẵng thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng của ông Trần Văn U và bà Huỳnh Thị H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AN 693872, số vào sổ cấp GCN số H 09433 do Ủy ban nhân dân quận S, Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 31/12/2008 đứng tên ông Trần Văn U sẽ được xử lý theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ vay cho Ngân hàng TMCP P.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: 6.653.148 đồng đồng ông Trần Văn U và bà Huỳnh Thị H phải chịu.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP P số tiền tạm ứng án phí 3. 264.760 đồng theo biên lai thu số 0006496 ngày 26/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận S;
- Chi cục thi hành án dân sự quận S;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Phước Hòa